

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày 28-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thúy Mỡ

Ông Ngô Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A; địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 Đ, Phường 12, Quận 4, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Văn P, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 16A/119 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền v/v nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng số 107/2017/UQTT-QTRR.17 ngày 30 tháng 11 năm 2017); có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt A, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2018 của nguyên đơn là Công ty A, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 08 tháng 9 năm 2016 anh Nguyễn Việt A,

sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng có ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160908-133021-0789 và văn bản thỏa thuận về việc tắt toán hợp đồng tín dụng trước hạn, nhận nợ khoản vay mới với Công ty A vay số tiền là 29.294.776 đồng, không tài sản bảo đảm, mục đích sử dụng tiền vay là tiêu dùng và mua bảo hiểm dư nợ tín dụng, thời hạn cho vay là 36 tháng, lãi suất cho vay là 3,75%/tháng, phương thức cho vay là cho vay trả góp, mỗi tháng anh Nguyễn Việt A phải trả cho Công ty A số tiền là 1.497.000 đồng bao gồm tiền nợ gốc và tiền nợ lãi, tháng cuối cùng anh Nguyễn Việt A phải trả số tiền là 1.431.000 đồng. Ngày 09 tháng 9 năm 2016 Công ty A đã giải ngân đủ số tiền vay 29.294.776 đồng cho anh Nguyễn Việt A bao gồm số tiền vay mới được giải ngân qua tài khoản là 10.099.999 đồng, số tiền trả nợ trước hạn của hợp đồng tín dụng số 20150623-200007-0004 ngày 15 tháng 6 năm 2015 đã ký giữa Công ty A và anh Nguyễn Việt A là 17.667.561 đồng và phí mua bảo hiểm dư nợ tín dụng là 1.527.216 đồng. Trong quá trình vay anh Nguyễn Việt A chưa thanh toán trả cho Công ty A khoản tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nào, anh Nguyễn Việt A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 09 tháng 10 năm 2016. Tính đến ngày 09 tháng 11 năm 2017 anh Nguyễn Việt A còn nợ Công ty A số tiền là 43.088.188 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 29.294.776 đồng và số tiền lãi trong hạn là 13.793.412 đồng. Nay Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Việt A phải trả cho Công ty A số tiền nợ là 43.088.188 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 29.294.776 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 13.793.412 đồng. Công ty A không yêu cầu anh Nguyễn Việt A phải trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm và không tính lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Bị đơn là anh Nguyễn Việt A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Trại, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Nguyễn Việt A do anh Nguyễn Việt A không thường xuyên cư trú tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Trại, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng Nguyễn Việt A vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Việt A vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh Nguyễn Việt A đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết

định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Việt A vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A. Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 275, 280, 357, 463, 466, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A, buộc anh Nguyễn Việt A phải trả cho Công ty A số tiền nợ là 43.088.188 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 29.294.776 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 13.793.412 đồng, anh Nguyễn Việt A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Việt A, sinh năm 1983 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Trại, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Nguyễn Việt A. Tài liệu xác minh thể hiện anh Nguyễn Việt A chưa chuyển hộ khẩu đi đâu nhưng không thường xuyên cư trú tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Trại, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn là Công ty A đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn là anh Nguyễn Việt A theo địa chỉ được ghi trong đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160908-133021-0789 ngày 08 tháng 9 năm 2016 đã ký giữa Công ty A và anh Nguyễn Việt A thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ nơi cư trú của anh Nguyễn Việt A. Việc anh Nguyễn Việt A thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới thì được coi là anh Nguyễn Việt A cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Việt A vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Việt A.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Công ty A và anh Nguyễn Việt A là tranh chấp về hợp đồng dân sự và bị đơn là anh Nguyễn Việt A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Trại, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn là Công ty A yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Việt A phải trả số tiền nợ là 43.088.188 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 29.294.776 đồng, số tiền lãi trong hạn là 13.793.412 đồng. Bị đơn là anh Nguyễn Việt A đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Việt A vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Tài Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Xét đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160908-133021-0789 ngày 08 tháng 9 năm 2016 và văn bản thỏa thuận về việc tắt toán hợp đồng tín dụng trước hạn, nhận nợ khoản vay mới ngày 08 tháng 9 năm 2016 ký giữa Công ty A và anh Nguyễn Việt A được giao kết trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nhưng đang thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết. Căn cứ vào đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160908-133021-0789 ngày 08 tháng 9 năm 2016, văn bản thỏa thuận về việc tắt toán hợp đồng tín dụng trước hạn, nhận nợ khoản vay mới ngày 08 tháng 9 năm 2016, bảng lịch trình trả nợ, sao kê giải ngân từ tài khoản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định ngày 08 tháng 9 năm 2016 anh Nguyễn Việt A có ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160908-133021-0789 và văn bản thỏa thuận về việc tắt toán hợp đồng tín dụng trước hạn, nhận nợ khoản vay mới với Công ty A để vay số tiền 29.294.776 đồng, không có tài sản bảo đảm, thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 09 tháng 9 năm 2016, lãi suất cho vay là 3,75%/tháng, mục đích sử dụng tiền vay là tiêu dùng, mua bảo hiểm dư nợ tín dụng và trả nợ trước hạn số tiền vay của anh Nguyễn Việt A theo hợp đồng tín dụng số 20150623-200007-0004 ngày 15 tháng 6 năm 2015 ký giữa anh Nguyễn Việt A và Công ty A, phương thức cho vay là cho vay trả góp, mỗi tháng anh Nguyễn Việt A phải trả cho Công ty A số là 1.497.000 đồng bao gồm tiền nợ gốc và tiền nợ lãi vào ngày 09 hàng tháng. Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160908-133021-0789 ngày 08 tháng 9 năm 2016 được giao kết giữa anh Nguyễn Việt A và người đại diện hợp pháp của Công ty A là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung phù hợp quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và không trái đạo đức xã hội; hình thức phù hợp quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do đó đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160908-133021-0789 ngày 08 tháng 9 năm 2016 có hiệu lực từ thời điểm giao kết theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận. Ngày 09 tháng 9 năm 2016 Công ty A đã giải ngân đủ số tiền vay 29.294.776 đồng cho anh Nguyễn Việt A bao gồm số tiền vay mới được giải ngân qua tài khoản là 10.099.999 đồng, số tiền trả nợ trước hạn của hợp đồng tín dụng số 20150623-200007-0004 ngày 15 tháng 6 năm 2015 đã ký giữa Công ty A và anh Nguyễn Việt A là 17.667.561 đồng và phí mua bảo hiểm dư

nợ tín dụng là 1.527.216 đồng. Tính đến ngày 09 tháng 11 năm 2017 anh Nguyễn Việt A chưa thanh toán trả cho Công ty A khoản tiền nợ gốc, tiền nợ lãi nào và còn nợ Công ty A số tiền là 43.088.188 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 29.294.776 đồng và số tiền lãi trong hạn là 13.793.412 đồng. Như vậy Công ty A đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, còn anh Nguyễn Việt A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận trong đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng 20160908-133021-0789 ngày 08 tháng 9 năm 2016 đã ký với Công ty A từ ngày 09 tháng 10 năm 2016 cụ thể anh Nguyễn Việt A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ gốc và tiền nợ lãi đến hạn theo bảng lịch trình trả nợ kèm theo đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Vì vậy căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 282, Điều 401, Điều 463, Điều 466 và điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A, buộc anh Nguyễn Việt A phải trả cho Công ty A số tiền là 43.088.188 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 29.294.776 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 13.793.412 đồng. Công ty A không yêu cầu anh Nguyễn Việt A phải trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm và không tính lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Công ty A được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Việt A phải chịu 2.154.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty A số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008599 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 282, Điều 401, Điều 463, Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A, buộc anh Nguyễn Việt A phải trả cho Công ty A số tiền nợ là 43.088.188 đồng (Bốn mươi ba triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, một trăm tám mươi tám đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 29.294.776 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm chín mươi tư nghìn bảy trăm bảy

mười sáu đồng) và số tiền nợ lãi trong hạn là 13.793.412 đồng (Mười ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm mười hai đồng)

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Việt A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Việt A phải chịu 2.154.400 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty A số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008599 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

